TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2024/QĐST-DS	*Đ, ngày 24 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH1 vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: N; Địa chỉ trụ sở: Số 108, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Người đại diện pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc B - Chức vụ: Phó Giám đốc H (Theo quyết định uỷ quyền số 606/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 31/5/2023). Người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Quốc B: Ông Ngô Đại H - Chức vụ: Trưởng phòng bán lẻ, N; Địa chỉ: Số 07, đường Trần Đăng Ninh, pH1 M, thành phố Đ, tỉnh B (Theo quyết định uỷ quyền số 152/TB-NHCTĐB.TH, ngày 17 tháng 7 năm 2023).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Thị H1; Cùng địa chỉ: Tổ 3, phường L, thành phố Đ, tỉnh B;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H1: Ông Nguyễn Mạnh H; Địa chỉ: Tổ 3, pH1 L, thành phố Đ, tỉnh B (Theo văn bản uỷ quyền số công chứng 9110/2024/GUQ; Quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mùng Thị L1; Địa chỉ: Tổ 3, phường L, thành phố Đ, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Thị H1 phải trả cho N số tiền nợ cụ thể tính đến ngày 16/04/2024 như sau: 2.820.934.887 đồng (*Hai tỷ, tám trăm hai mươi triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng*), (Trong đó: Tiền gốc là: 2.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 220.038.725 đồng, tiền lãi quá hạn là: 100.896.162 đồng), tại hợp đồng cho vay hạn mức số: 886/2021-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 18/11/2021, hợp đồng cho vay hạn mức số: 856/2022-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 22/11/2022.

2.2. Ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Thị H1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất và thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 886/2021-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 18/11/2021 và hợp đồng cho vay hạn mức số 856/2022-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 22/11/2022 từ ngày 16/4/2024 cho đến khi trả hết nợ. Mức lãi suất trong hạn là 9,5%, lãi suất quá hạn là 14,25%.

2.3. Bà Mùng Thị L1 phải tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 981/2020/HĐBĐ/NHCT184-PBL ngày 16/11/2020 đã ký kết giữa ngân hàng với bà L1 đối với: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 39, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 035543, số vào sổ cấp GCN: CH40700 do UBND thành phố Đ cấp ngày 31/01/2018 cho bà Mùng Thị L1; Thửa đất có địa chỉ: Tổ dân phố 4 (Nay là tổ 3), pH1 L, thành phố Đ, tỉnh B và các công trình, vật kiến trúc trên thửa đất đã thế chấp với ngân hàng.

2.4. Trong trường hợp ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì ngay sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2.5. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Thị H1, thì ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Thị H1 tiếp tục có nghĩa vụ trả đủ khoản nợ cho ngân hàng.

2.6. Án phí: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Thị H1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 44.209.348 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, hai trăm linh chín nghìn, ban trăm bốn mươi tám đồng*).

Trả lại cho ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh B 41.695.784 đồng *(Bốn mươi mốt triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi bốn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000017 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết: 6.046.000 đồng (*Sáu triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*), ông Nguyễn Mạnh H và bà Bùi Thị H1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông H,

bà H1 phải thanh toán số tiền 6.046.000 đồng (*Sáu triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) cho N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. ĐBP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Thi hành án dân sự TP.ĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy Thành